

Đồng thau pha chì

bedra 37710

Mã vật liệu*

UNS	C37710
EN	CuZn39Pb1 (CW 611 N)
JIS	C3771
GB	HPb59-1

Thành phần hóa học

Cu	59.0-60.0	%
Pb	0.8-1.6	%
Fe	≤0.3	%
Al	≤0.05	%
Ni	≤0.3	%
Sn	≤0.3	%
Khác	≤0.2	%
Zn	Còn lại	%

Tính năng

Hợp kim này có tính năng gia công nhiệt tốt, thích hợp cho phương pháp gia công như rèn nóng, đánh bóng, mạ điện, v.v.

Tính chất vật lý*

Mật độ ¹	8.4	g/cm ³
Độ dẫn điện ¹	27	%IACS
Độ dẫn nhiệt ¹	119	W/(m·K)
Hệ số giãn nở nhiệt ²	20.9	10 ⁻⁶ /K
Mô đun đàn hồi	103.4	GPa

Chú ý: 1. Nhiệt độ thử nghiệm 20°C
2. Khoảng nhiệt độ thử nghiệm 20-300°C



Ứng dụng điển hình

Được sử dụng trong điều hòa không khí lạnh, đồ sứ nhà vệ sinh, phòng tắm, van và các ngành công nghiệp khác.

Thuộc tính chế tạo

Gia công lạnh	Khá
Gia công nóng	Tốt
Hàn trở	Tốt
Hàn điện trở	Không được khuyến khích
Gia công nóng so sánh với C37700	90%
Tính năng gia công so với đồng C36000	70%

Đồng thau pha chì

bedra 37710

Tính năng gia công

Đường kính mm	Trạng thái	Độ bền kéo MPa min.	Giới hạn chảy MPa min.	Elogation		
				A ₁₀₀ % min.	A _{11.3} % min.	A% min.
6 ≤ Φ < 80	R360	360	300(max.)	--	15	20
2 ≤ Φ < 40	R410	410	230	8	10	12
2 ≤ Φ ≤ 14	R500	500	350	3	5	8

Dung sai và phương thức vận chuyển

Đường kính mm	Dung sai*	Hình bầu dục mm max.	Thanh thẳng		
			Độ dài mm max.	Độ thẳng ft max.	Độ thẳng mm/m max
2 ≤ Φ < 3	0.03	0.0075	2500	8.2	1.0
3 ≤ Φ < 6	0.04	0.01	2500	8.2	0.5
6 ≤ Φ < 10	0.06	0.015	4000	13.1	0.5
10 ≤ Φ < 18	0.08	0.02	4000	13.1	0.5
18 ≤ Φ < 25	0.12	0.03	4000	13.1	0.5
25 ≤ Φ < 40	0.20	0.05	4000	13.1	0.5
40 ≤ Φ < 60	0.30	0.075	4000	13.1	0.5
60 ≤ Φ < 80	0.60	0.15	3000	9.8	3.0
80 ≤ Φ < 100	1.60	0.40	2000	6.6	5.0
100 ≤ Φ ≤ 120	2.00	0.50	1500	4.9	6.0

* Dung sai được liệt kê trong bảng được chỉ định là tất cả cộng hoặc tất cả trừ. Khi dung sai được chỉ định là cộng và trừ (±), giá trị còn lại một nửa.

*Thành phần BS EN 12164-2016
Độ dẫn điện Chỉ để tham khảo
Tính năng gia công BS EN 12164-2016
Thuộc tính chế tạo **Chỉ để tham khảo**
Các tính chất vật lý khác Chỉ để tham khảo

Bảng dữ liệu này chỉ là các thông tin chung tham khảo và có thể chưa được cập nhật. Bảng không có giá trị yêu cầu bồi thường trừ khi có bằng chứng về lỗi cố ý hoặc sơ xuất cơ bản. Các thông tin đưa ra tương ứng với các tiêu chuẩn như ASTM, BS EN, JIS, RWMA và chỉ có giá trị tham khảo, không có giá trị dẫn chứng để yêu cầu bảo hành. Thông tin đưa ra không dùng để thay thế kết quả phân tích của khách hàng.